

CHƯƠNG 4

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

1

MỤC TIÊU CHƯƠNG 4

- ✓ Hiểu được khái niệm, đặc điểm và các loại cổ phiếu
- ✓ Phân biệt được các loại giá trị khác nhau của cổ phiếu
- ✓ Hiểu được lợi nhuận và rủi ro khi đầu tư cổ phiếu
- ✓ Biết được cách giao dịch cổ phiếu trên thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp

2

NỘI DUNG CHƯƠNG 4

- 4.1 Tổng quan về cổ phiếu
- 4.2 Lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư CP
- 4.3 Giao dịch cổ phiếu

3



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

4.1.1 Khái niệm

- Cổ phiếu đại diện cho quyền sở hữu trong một công ty cổ phần.

Mishkin (2011)

- Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.

(Khoản 2 Điều 4 Luật chứng khoán 2019)

4



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

4.1.2 Đặc điểm cơ bản của cổ phiếu

- ❖ Chứng khoán vốn
- ❖ Thời hạn

5



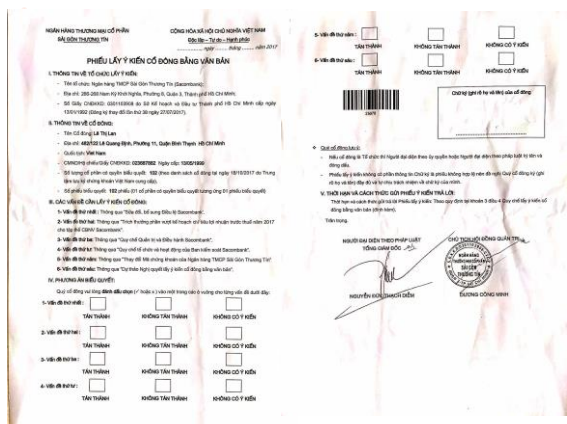
4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

4.1.2 Đặc điểm

❖ Chứng khoán vốn

- Cổ phiếu là chứng nhận góp vốn;
- Được quyền bầu cử, biểu quyết tại đại hội cổ đông...
- Cổ tức thường không cố định;
- Khi công ty bị phá sản, cổ đông phổ thông là người cuối cùng được hưởng giá trị còn lại của tài sản thanh lý.

7



8



4.1.2 Đặc điểm

❖ Thời hạn

Cổ phiếu là chứng khoán không có thời hạn cụ thể, thời hạn của cổ phiếu gắn liền với thời hạn của công ty phát hành ra nó.

9



- Ý nghĩa của việc phát hành cổ phiếu đối với CTCP:

- Tăng vốn rất nhanh
- Các công ty không cần phải hoàn trả quỹ vốn
- Cổ tức không cần trả định kỳ như trái tức

- **Khó khăn**

Việc phát hành cổ phiếu thường là rất tốn kém chi phí (IPO, thuế...)

10

4.1.2 Đặc điểm

4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

	CỔ PHIẾU	TRÁI PHIẾU
Đặc điểm	Chứng nhận góp vốn	Chứng nhận nợ
Cty phát hành	Công ty cổ phần	Cty CP và Cty TNHH
Cổ tức	Hưởng cổ tức không cố định	Hưởng trái tức cố định
TG đáo hạn	Không xác định	Xác định
Quyền lợi của người nắm giữ	Được tham gia vào quá trình điều hành doanh nghiệp	Không được tham gia vào quá trình điều hành DN
Phân chia tài sản	Được thanh toán sau cùng	Được thanh toán trước cổ đông thường

11

11



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

4.1.3 Phân loại cổ phiếu

4.1.3.1 Phân loại theo quyền lợi của cổ đông

4.1.3.2 Phân loại dựa vào tình trạng phát hành

12

12



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

4.1.3 Phân loại cổ phiếu

4.1.3.1 Phân loại theo quyền lợi của cổ đông

- Cổ phiếu thường (Common Shares)
- Cổ phiếu ưu đãi (Preference Shares)

13

13

4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

4.1.3.1 Phân loại theo quyền lợi của cổ đông

➤ Cổ phiếu thường (Common Shares)

- Cổ phiếu thường là loại cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với 1 phần vốn cổ phần thường của tổ chức phát hành.
- Người sở hữu cổ phần thường gọi là cổ đông thường (cổ đông phổ thông), cổ đông là chủ sở hữu của công ty.

14

14

4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

➤ Cổ phiếu thường (Common Shares)

Đặc điểm của một chứng khoán vốn:

- Cổ tức không cố định
- Được quyền bầu cử, biểu quyết tại đại hội cổ đông
- Khi công ty bị phá sản, cổ đông thường là người cuối cùng được hưởng giá trị còn lại của tài sản thanh lý
- Không có thời hạn xác định

15

15

4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

➤ Cổ phiếu thường (Common Shares)

Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- Quyền nhận cổ tức
- Quyền biểu quyết:
 - Phương thức bỏ phiếu thông thường
 - Phương thức bầu dồn phiếu
- Quyền mua cổ phần
- Quyền phân chia tài sản

(Xem thêm Điều 114, Luật doanh nghiệp 2014)

16

16



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

4.1.3.1 Phân loại theo quyền lợi của cổ đông

➤ Cổ phiếu ưu đãi (Preference Shares)

Cổ phiếu ưu đãi đại diện cho một cổ phần trong công ty, thường không cho phép quyền biểu quyết quan trọng.

Madura (2009)

17

17



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

➤ Cổ phiếu ưu đãi (Preference Shares)

Đặc điểm:

- ✓ Chứng khoán vốn
- ✓ Chứng khoán nợ

18

18



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

➤ Cổ phiếu ưu đãi (Preference Shares)

Các loại cổ phần ưu đãi ở Việt Nam:

- ✓ Cổ phần ưu đãi biểu quyết
- ✓ Cổ phần ưu đãi cổ tức
- ✓ Cổ phần ưu đãi hoàn lại

19

19



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

➤ Cổ phần ưu đãi biểu quyết

Khái niệm

Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có **số phiếu biểu quyết nhiều hơn** so với cổ phần phổ thông, số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ công ty quy định.

(Khoản 1 Điều 116 Luật doanh nghiệp 2014)

20

20



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

➤ Cổ phần ưu đãi biểu quyết

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:

- Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác
- Các quyền khác như cổ đông **phổ thông**

22

22



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

➤ Cổ phần ưu đãi cổ tức

Khái niệm

Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm.

(Khoản 1 Điều 117 Luật doanh nghiệp 2014)

23

23



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

➤ Cổ phần ưu đãi cổ tức

Đặc điểm

- Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng.
- Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:
 - Nhận cổ tức theo quy định
 - Nhận phần tài sản khi công ty giải thể hoặc phá sản
 - Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

24

24



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

➤ Cổ phần ưu đãi hoàn lại

Khái niệm

Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

(Khoản 1 Điều 118 Luật doanh nghiệp 2014)

25

25



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

➤ Cổ phần ưu đãi hoàn lại

Đặc điểm

- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông
- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

26

26



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

4.1.3 Phân loại cổ phiếu

4.1.3.2 Phân loại dựa vào tình trạng phát hành

- Cổ phần được quyền chào bán (Authorized stock)
- Cổ phần đã bán (Issued stock)
- Cổ phiếu ngân quỹ (Treasury stock)
- Cổ phiếu đang được lưu hành (Outstanding stock)

27

27



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

Cổ phần được quyền chào bán (Authorized stock)

Cổ phần được quyền chào bán của công ty cổ phần là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn. Số cổ phần được quyền chào bán của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng số cổ phần các loại mà công ty sẽ bán để huy động vốn, bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua.

(Khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp 2014)

28

28



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

Cổ phần đã bán (Issued stock)

Cổ phần đã bán là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho công ty. Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, cổ phần đã bán là tổng số cổ phần các loại đã được đăng ký mua.

(Khoản 2 Điều 111 Luật doanh nghiệp 2014)

Số cổ phần đã bán = VĐL/mệnh giá 1 cổ phiếu

29

29

4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

Cổ phiếu ngân quỹ (Treasury stock)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu đã được phát hành bởi công ty cổ phần và được mua lại bởi chính tổ chức phát hành đó.

(Khoản 1 Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP)

Cổ phiếu quỹ làm tăng cổ phần chưa bán hoặc bị tiêu hủy theo quyết định của ĐHCĐ, nhưng phải báo cáo UBCK & công khai thông tin ra bên ngoài.

(Khoản 1 & 2 Điều 47 Thông tư 162/2015/TT-BTC)³⁰

30

4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

Cổ phiếu ngân quỹ (Treasury stock)

Đặc điểm

- Không được chi trả cổ tức
- Không có quyền biểu quyết và không được quyền mua trước cổ phần khi công ty thực hiện tăng vốn.
- Không có quyền phát sinh từ việc chào bán, phát hành thêm cổ phiếu và các quyền khác.

31

31

4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

Cổ phiếu đang lưu hành (Outstanding stock)

Cổ phiếu đang lưu hành là số cổ phiếu hiện đang được các cổ đông nắm giữ, bao gồm cả các cổ phiếu được nắm giữ bởi các nhà đầu tư tổ chức và cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng được sở hữu bởi nhân viên của công ty hay cá nhân khác trong nội bộ công ty.

Số cổ phiếu đang lưu hành = Số cổ phiếu đã phát hành – Số cổ phiếu quỹ

32

32

THẢO LUẬN 4.2:

Phân biệt các thuật ngữ sau đây:

- Vốn điều lệ
- Vốn chủ sở hữu

33

33

Hình 4.1: BCTC của Vinamilk quý I 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	VL24	25.019.430.479.001	22.405.949.288.585
I. Vốn chủ sở hữu	410		25.019.430.479.001	22.405.949.288.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.514.534.290.000	14.514.534.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.514.534.290.000	14.514.534.290.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		260.699.620.761	260.699.620.761
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(3.698.257.400)	(1.176.335.920)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		11.016.240.815	5.654.693.453
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.121.479.999.738	1.797.019.925.588
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.877.979.627.383	5.591.831.510.779
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.591.831.510.779	2.928.776.175.324
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.286.148.116.604	2.663.055.335.455
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		237.418.957.704	237.385.583.924
TỔNG NGUỒN VỐN (300 + 400)	440		31.068.544.643.384	29.378.656.325.464

34

Hình 4.2: Vốn CSH của Vietinbank năm 2016

VIII. Vốn và các quỹ	26	60.399.403	56.110.146
1. Vốn của TCTD		46.208.767	46.208.778
a. Vốn điều lệ		37.234.046	37.234.046
b. Thặng dư vốn cổ phần		8.974.721	8.974.732
2. Quỹ của TCTD		6.366.898	5.275.032
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		480.011	441.537
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.083.394	3.942.373
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		260.333	242.426
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		948.699.023	779.483.487

Nguồn: <http://finance.vietstock.vn/1/1/CTG/tai-tai-lieu.htm>

35

Thảo luận 4.3:

Nhận xét về cơ cấu nguồn vốn khi:

- Khi CTCP mua lại cổ phiếu của chính DN
- Khi CTCP phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần
- Khi CTCP phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển

36

Cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu

Là số cổ phiếu hình thành do HĐQT và ĐHCĐ thông qua quyết định tăng vốn điều lệ từ việc chuyển vốn từ *nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối* và các *quỹ hợp pháp khác*.

(Xem thêm Điều 33 Thông tư 162/2015/TT-BTC)

37

Đặc điểm cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- Nguồn vốn: từ các khoản mục phù hợp của nguồn vốn chủ sở hữu
- Phải được ĐHCĐ thông qua
- Kết quả phát hành làm tăng vốn điều lệ, tăng vốn góp cổ đông nhưng *vốn chủ sở hữu không thay đổi*.
- Phát hành cho cổ đông phổ thông hiện hữu
- Số tiền* mà cổ đông phải trả *bằng không*

38

Thảo luận 4.4:**Nhận xét khi công ty cổ phần phát hành
cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần?**

- Về vốn góp của chủ sở hữu
- Về vốn chủ sở hữu

39

Thảo luận 4.5:**Nhận xét khi công ty cổ phần được phát
hành cổ phiếu từ:**

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Quỹ khen thưởng phúc lợi
- Quỹ đầu tư phát triển

40

4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU**4.1.4 Các loại giá trị của cổ phiếu thường**

- Giá trị danh nghĩa (Par value/Face value)
- Giá trị sổ sách (Book value)
- Giá trị thị trường (Market price)
- Giá trị nội tại (Intrinsic value)

41



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

Giá trị danh nghĩa (Par value/Face value)

- Giá trị danh nghĩa (mệnh giá) là giá trị ghi trên bề mặt của cổ phiếu, là giá trị của phần vốn điều lệ trên mỗi cổ phần, là căn cứ tính cổ tức.
- Ở Việt Nam, mệnh giá cổ phiếu là 10,000 đồng.
(Khoản 2 Điều 13 Luật chứng khoán 2019)



42

42



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

Giá trị sổ sách (Book value)

Là giá trị cổ phiếu phổ thông tính theo số liệu kế toán của công ty cổ phần sau khi thanh toán các khoản nợ.

Book Value (BV) = Vốn CSH – Giá trị cổ phiếu ưu đãi

BV per share = (Vốn CSH – Giá trị cổ phiếu ưu đãi)/Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành



43

43



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

Giá trị sổ sách (Book value)

Ví dụ 4.1: Công ty cổ phần ABC có tổng tài sản 200 tỷ đồng, nợ 80 tỷ đồng. Công ty hiện đã phát hành 4 triệu cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10,000 đồng, thị giá 40,000 đồng và 500,000 cổ phiếu ưu đãi mệnh giá 10,000 đồng, thị giá 32,000 đồng. Hiện tại cổ phiếu quỹ của công ty là 600,000 cổ phiếu. giá trị sổ sách trên cổ phiếu (Book value per share) của công ty sẽ là bao nhiêu?



44

44



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

Giá trị thị trường (Market price)

Là giá cả của cổ phiếu được giao dịch mua bán trên thị trường, được xác định thông qua cung cầu cổ phiếu trên thị trường. Tổng giá trị thị trường của một cổ phiếu được gọi là vốn hóa thị trường, ta có:

$$\text{Vốn hóa thị trường} = \text{Giá trị thị trường 1 cổ phiếu} * \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}$$

45

45



4.1 TỔNG QUAN VỀ CỔ PHIẾU

Giá trị nội tại (Intrinsic value)

- Giá trị nội tại còn gọi là giá trị thực hay giá trị lý thuyết của một chứng khoán, là giá trị cổ phiếu được ước lượng dựa theo số liệu về rủi ro và lợi nhuận.
- Giúp nhà đầu tư biết được cổ phiếu đang được định giá thấp (giá trị nội tại > giá trị thị trường) hay định giá cao.

46

46



4.2 LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

4.2.1 Lợi nhuận trong đầu tư cổ phiếu

Thu nhập từ đầu tư cổ phiếu:

- ☐ **Lợi vốn:** khoản chênh lệch giữa giá mua vào P_{t-1} và giá bán ra của cổ phiếu P_{t+1} .
- ☐ **Cổ tức**
- ☐ **Lãi tái đầu tư cổ tức:** nhà đầu tư nhận được khi dùng cổ tức bằng tiền để mua thêm cổ phiếu

47

47

4.2 LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

4.2.1 Lợi nhuận trong đầu tư cổ phiếu

Cổ tức (dividend) là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

(Khoản 3 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2014)

$Cổ\ tức = Tỷ\ lệ\ cổ\ tức * Mệnh\ giá\ cổ\ phiếu$

$Tỷ\ lệ\ cổ\ tức = DPS / mệnh\ giá$

Trong đó: DPS là cổ tức trên mỗi cổ phần

48

48

4.2 LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

4.2.1 Lợi nhuận trong đầu tư cổ phiếu

$Tỷ\ lệ\ chi\ trả\ cổ\ tức\ (Dividend\ payout\ ratio) = Cổ\ tức\ cho\ cổ\ phiếu\ phổ\ thông / Thu\ nhập\ thuần\ cho\ cổ\ đông\ phổ\ thông$

$Dividend\ payout\ ratio = Cổ\ tức\ cho\ 1\ CPPT / EPS$

Trong đó: EPS là lợi nhuận tính trên một cổ phiếu

49

49

4.2 LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

4.2.1 Lợi nhuận trong đầu tư cổ phiếu

Ví dụ 5.2: Năm 2011, Vinamilk chi trả cổ tức cho mỗi cổ phiếu là 4,000 đồng, EPS của công ty là 7,717 đồng.

$\Rightarrow Tỷ\ lệ\ cổ\ tức = 4,000 / 10,000 = 40\%$

$\Rightarrow Tỷ\ lệ\ chi\ trả\ cổ\ tức = 4,000 / 7,717 = 51.83\%$

Điều này có nghĩa là cứ 100 đồng lợi nhuận tạo ra, Vinamilk sẽ dùng 51.83 đồng để chi trả cổ tức và giữ lại 48.17 đồng để tái đầu tư.

50

50

4.2 LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

4.2.1 Lợi nhuận trong đầu tư cổ phiếu

Ví dụ 5.3: Công ty cổ phần ABC có thông tin về tình hình kinh doanh như sau:

- Lợi nhuận sau thuế: 550 tỷ đồng
- Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 100 triệu, mệnh giá 10,000 đồng, tỷ lệ cổ tức là 10%.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi: 100 triệu, mệnh giá 10,000 đồng, tỷ lệ cổ tức ưu đãi là 20%.

Tính tỷ lệ chi trả cổ tức của cổ phiếu phổ thông là bao nhiêu?

Đáp án: 28.57%

51

51

4.2 LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

4.2.1 Lợi nhuận trong đầu tư cổ phiếu

Lợi suất đầu tư cổ phiếu thường:

$$R = \frac{(SP - INV) + D}{INV}$$

Trong đó:

- INV là vốn đầu tư ban đầu
- D là cổ tức
- SP là giá bán cổ phiếu

Madura (2009)

52

52

4.2 LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

4.2.1 Lợi nhuận trong đầu tư cổ phiếu

Ví dụ 5.4: Ngày 01/02 bà An mua 2,000 cổ phiếu FPT với giá 50,000 đồng/cổ phiếu, đến ngày 01/09 bà An cần tiền nên bán hết số cổ phiếu trên với giá 58,000 đồng/cổ phiếu. Xác định tỷ suất lợi nhuận (tính theo năm) của bà An trong kỳ đầu tư trên, biết trong thời gian đầu tư trên, bà An nhận được cổ tức 2,000 đồng/cổ phiếu.

53

53

4.2 LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

4.2.1 Lợi nhuận trong đầu tư cổ phiếu

Ví dụ 5.4b: Ngày 01/02 bà An mua 2,000 cổ phiếu FPT với giá 50,000 đồng/cổ phiếu, đến ngày 01/09 bà An cần tiền nên bán hết số cổ phiếu trên với giá 58,000 đồng/cổ phiếu. Xác định tỷ suất lợi nhuận (tính theo năm) của bà An trong kỳ đầu tư trên, biết trong thời gian đầu tư trên, bà An nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, với tỷ lệ là 10:1 (cứ 10 cổ phiếu cũ, bà nhận thêm 1 cổ phiếu mới).

54

54

4.2 LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

4.2.2 Rủi ro trong đầu tư cổ phiếu

Các loại rủi ro cơ bản:

- Rủi ro hệ thống: rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất, rủi ro sức mua ...
- Rủi ro phi hệ thống: thay đổi nhân sự cao cấp; khả năng thanh toán của doanh nghiệp thấp, tình hình tài chính không lành mạnh...

55

55

4.3 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

4.3.1 Giao dịch sơ cấp cổ phiếu

4.3.2 Giao dịch thứ cấp cổ phiếu

56

56



4.3 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

4.3.1 Giao dịch sơ cấp cổ phiếu

- Thị trường cổ phiếu sơ cấp là thị trường mà ở đó, cổ phiếu được phát hành (hay chào bán) lần đầu tiên.
- Ở thị trường này, tổ chức phát hành được nắm giữ toàn bộ số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu.

57

57



4.3.1 Giao dịch sơ cấp cổ phiếu

Các hình thức phát hành cổ phiếu

- ❖ Theo đối tượng phát hành
 - Phát hành riêng lẻ
 - Phát hành ra công chúng
- ❖ Theo phương pháp định giá phát hành
 - Phát hành với giá cố định
 - Phát hành theo phương thức đấu giá
- ❖ Theo phương thức phát hành
 - Phát hành trực tiếp
 - Phát hành gián tiếp

58

58



❖ Phát hành riêng lẻ

Chào bán chứng khoán riêng lẻ là việc chào bán chứng khoán theo một trong các phương thức sau đây:

- Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Chỉ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

(Khoản 20, Điều 4, Luật chứng khoán năm 2019)

60

60

❖ **Phát hành riêng lẻ**

Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là nhà đầu tư có năng lực tài chính hoặc có trình độ chuyên môn về chứng khoán bao gồm:

- a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức tài chính quốc tế, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tài chính nhà nước được mua chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;
- b) Công ty có vốn điều lệ đã góp đạt trên 100 tỷ đồng hoặc tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;
- c) Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- d) Cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo xác nhận của công ty chứng khoán tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- e) Cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là 01 tỷ đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả.

(Khoản 1, Điều 11, Luật chứng khoán năm 2019)

61

❖ **Phát hành riêng lẻ**

Điều kiện chào bán riêng lẻ của công ty đại chúng

=> Xem Khoản 1 và 2, Điều 31, Luật chứng khoán 2019

62

62

❖ **Phát hành ra công chúng**

Chào bán chứng khoán ra công chúng là việc chào bán chứng khoán theo một trong các phương thức sau đây:

- Chào bán thông qua phương tiện thông tin đại chúng;
- Chào bán cho từ 100 nhà đầu tư trở lên, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Chào bán cho các nhà đầu tư không xác định.

(Khoản 19, Điều 4, Luật chứng khoán 2019)

63

63



❖ Phát hành ra công chúng

Các trường hợp chào bán cổ phiếu ra công chúng gồm:

- Chào bán ra công chúng lần đầu (IPO)
- Chào bán ra công chúng bổ sung
- Cổ đông lớn chào bán phần vốn chủ sở hữu trong các công ty đại chúng ra công chúng

(Điều 10 Nghị định 58/2012/NĐ-CP)

64

64



❖ Phát hành ra công chúng

Công ty đại chúng là công ty cổ phần thuộc một trong hai trường hợp sau đây:

- Công ty có vốn điều lệ đã góp từ 30 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ;
- Công ty đã thực hiện chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng thông qua đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của Luật này.

(Khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán 2019)

65

65



❖ Phát hành ra công chúng

Chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng bao gồm:

- IPO để huy động vốn cho tổ chức phát hành;
- IPO để trở thành công ty đại chúng;
- IPO để thành lập công ty cổ phần
- ...

(Khoản 1 Điều 10 Nghị định 58/2012/NĐ-CP)

66

66



❖ Phát hành ra công chúng

Ví dụ 4.6:

Ngày 07/03/2016, Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (VISSAN) đã tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO). Trong phiên IPO, VISSAN bán đấu giá thành công 11,328 triệu cổ phần, tương đương 14% vốn điều lệ công ty, với giá khởi điểm là 17,000 đồng/cổ phần, giá đấu bình quân đạt 80,053 đồng/cp, trong đó giá đấu thành công cao nhất là 102,000 đồng/cp, giá đấu thành công thấp nhất là 67,00 đồng/cp.

67

67



❖ Phát hành ra công chúng

Ví dụ 4.7:

Ngày 16/10/2017, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) vừa phát đi thông tin cho biết sẽ bán 48,333,000 cổ phần tương đương 3.33% vốn điều lệ do Công ty đại diện chủ sở hữu tại Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk). Giá bán khởi điểm 150,000 đồng/cổ phần, mệnh giá 10,000 đồng/cổ phần.

68

68



❖ Phát hành ra công chúng

- Điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.
(Xem Khoản 1, Điều 15, Luật chứng khoán 2019)
- Điều kiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng.
(Xem Khoản 2, Điều 15, Luật chứng khoán 2019)

69

69

4.3.1 Giao dịch sơ cấp cổ phiếu

➤ Theo phương pháp định giá phát hành

- **Phát hành với giá cố định:** là hình thức phát hành mà tổ chức phát hành bán chứng khoán với một mức giá ấn định trực tiếp cho nhà đầu tư hoặc gián tiếp thông qua tổ chức phát hành.
- **Phát hành theo phương thức đấu giá:** Nhà phát hành hay nhà bảo lãnh phát hành sẽ ấn định giá tối thiểu, người mua sẽ trực tiếp cạnh tranh với nhau, tổ chức phát hành sẽ phân phối chứng khoán cho nhà đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên về giá. Giá bán là giá thống nhất hoặc đa giá.

70

70

➤ Theo phương pháp định giá phát hành

Các trường hợp bán đấu giá:

- Cổ phần hóa DNNN
- Nhà nước thoái vốn tại các công ty cổ phần
- Cổ đông lớn bán bớt phần vốn chủ sở hữu
- Quyền mua cổ phần của cổ đông lớn...

71

71

Các quy định đấu giá cổ phần ở Việt Nam

- NĐ 116/2015/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (sửa đổi NĐ 59/2011/NĐ-CP).
- Quyết định 999/2015/QĐ-BTC Ban hành Quy chế mẫu về đấu giá cổ phần theo lô tại SGDCK.
- QĐ 895/2012/QĐ-UBCK Ban hành Quy chế mẫu về đấu giá cổ phần tại SGDCK
- Quyết định 41/2015/QĐ-TTg của Chính phủ về bán cổ phần theo lô.
- ...

72

72

ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM

Các thuật ngữ

- **Bán đấu giá** cổ phần là hình thức bán cổ phần của doanh nghiệp cổ phần hóa công khai cho các đối tượng có sự cạnh tranh về giá.
- Cuộc đấu giá bán cổ phần **không thành công** là cuộc đấu giá không có nhà đầu tư đăng ký tham gia hoặc chỉ có 1 nhà đầu tư đăng ký tham gia.
- **Tiền đặt cọc** là một khoản tiền của người tham gia mua cổ phần ứng trước để đảm bảo quyền mua cổ phần.

(Điều 2 Thông tư 196/2011/TT-BTC)

73

73

ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM

Tổ chức bán đấu giá cổ phần đối với đấu giá công khai:

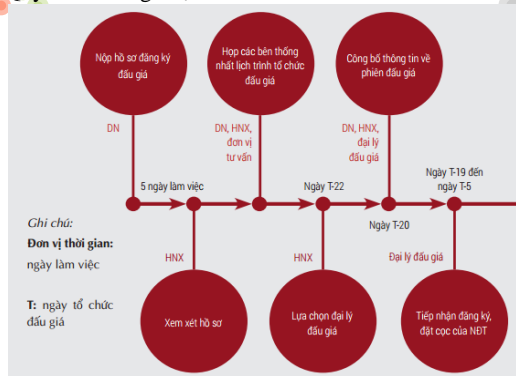
Việc tổ chức bán đấu giá công khai thực hiện tại SGDCK. Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa có khối lượng cổ phần bán ra có tổng mệnh giá **dưới 10 tỷ đồng** thì cơ quan đại diện chủ sở hữu có thể xem xét, quyết định tổ chức đấu giá tại CTCK hoặc trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là tổ chức trung gian)

(Khoản 2 Điều 7 Thông tư 40/2018/TT-BTC)

74

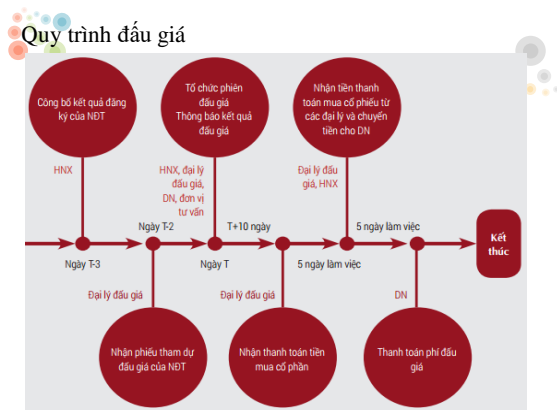
74

Quy trình đấu giá tại HNX



75

75



76

76

ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM

Xác định kết quả đấu giá

1) Xác định theo giá đặt mua từ *cao xuống thấp* cho đủ số lượng cổ phần chào bán nhưng không thấp hơn giá khởi điểm.

77

77

ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM

2) **Tại mức giá trúng thầu thấp nhất**, trường hợp các nhà đầu tư cùng đặt mức giá bằng nhau, nhưng số cổ phần còn lại ít hơn tổng số cổ phần các nhà đầu tư này đăng ký mua thì số cổ phần của từng nhà đầu tư được mua xác định như sau:

$$\text{Số cổ phần nhà đầu tư được mua} = \text{Số cổ phần còn lại chào bán} \times \frac{\text{Số cổ phần từng nhà đầu tư đăng ký mua giá bằng nhau}}{\text{Tổng số cổ phần các nhà đầu tư đăng ký mua giá bằng nhau}}$$

78

78

ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM

- Trường hợp còn **dư cổ phần lẻ**, số cổ phần lẻ này được phân bổ cho **NĐT có khối lượng đăng ký mua lớn nhất tại mức giá đó**.
- Trường hợp **vi phạm quy chế** bán đấu giá, NĐT **không được nhận lại tiền đặt cọc**, bao gồm các trường hợp:
 - Trả giá thấp hơn giá khởi điểm
 - Từ bỏ quyền mua cổ phần đối với số cổ phần đã trúng thầu
 - Các TH khác theo quy chế bán đấu giá

(Điều 7 Thông tư 196/2011/TT-BTC)

79

79

ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM

Bài 1: Ngày 07/03/2016, công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ súc sản (VISSAN) đã bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (14% VDL). Thông tin chi tiết như sau:

- Vốn điều lệ công ty (VDL):** 809,143,000,000 đồng (Mệnh giá: 10,000 đồng/ cổ phần)
- Giá khởi điểm:** 17,000 đồng/ cổ phần
- Giá trị tiền cọc:** 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm

Thông tin các nhà đầu tư bên ngoài tham gia mua cổ phần như sau:

80

80

ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM

Bài 1:

STT	NHÀ ĐẦU TƯ	KHỐI LƯỢNG ĐẶT (cổ phần)	GIÁ ĐẶT (đồng/cổ phần)
1	A	2,600,000	102,000
2	B	3,800,004	80,000
3	C	2,500,498	70,000
4	D	2,427,500	67,000
5	E	1,200,000	50,000
6	F	100	17,000

Xác định:

- Kết quả đấu giá của đợt phát hành này?
- Số tiền các NĐT phải thanh toán bổ sung cho VISSAN?

81

81

ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM

Bài 2: Năm 2013, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước bán đấu giá công khai phần vốn của công ty tại Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Sơn La, thực hiện thông qua Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam cho các nhà đầu tư.

- **Số lượng cổ phần chào bán:** 4.400 cổ phần;
- **Giá khởi điểm:** 124.000 đồng/cổ phần
- **Bước giá:** 100 đồng
- **Bước khối lượng:** 100 cổ phần
- **Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân được đăng ký mua tối thiểu là:** 100 cổ phần.
- **Tiền cọc:** bằng 30% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.

82

82

Bài 2 (tt): Các nhà đầu tư tham gia đấu giá cổ phần với thông tin chi tiết như sau:

STT	NHÀ ĐẦU TƯ	KHỐI LƯỢNG ĐẠT (cổ phần)	GIÁ ĐẠT (đồng/cổ phần)
1	A	200	132.000
2	B	1.000	131.150
3	C	300	129.300
4	B	500	125.000
5	D	1.700	124.000
6	E	2.300	124.000

Xác định:

- Kết quả trúng thầu
- B phải nộp thêm bao nhiêu tiền để mua số cổ phiếu trúng thầu.₈₃

83

4.3.1 Giao dịch sơ cấp cổ phiếu

➤ Theo phương pháp phát hành

- **Phát hành trực tiếp:** tổ chức phát hành (TCPH) tự bán chứng khoán cho các nhà đầu tư, không thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành.
- **Phát hành gián tiếp:** TCPH phát hành chứng khoán thông qua các tổ chức bảo lãnh phát hành. Tổ chức bảo lãnh phát hành là các tổ chức tài chính có năng lực về vốn, kinh nghiệm phát hành và hệ thống phân phối chứng khoán (công ty chứng khoán, ngân hàng đầu tư).

84

84



➤Theo phương pháp phát hành

Bảo lãnh phát hành

Bảo lãnh phát hành là việc *tổ chức bảo lãnh phát hành cam kết* với tổ chức phát hành *thực hiện các thủ tục* trước khi chào bán chứng khoán, *nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán* của tổ chức phát hành để bán lại hoặc *mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết* của tổ chức phát hành hoặc *hỗ trợ tổ chức phát hành* trong việc phân phối chứng khoán ra công chúng.

(Khoản 9 Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP)

85

85



➤Theo phương pháp phát hành

Tổ chức thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng là công ty chứng khoán, tổ chức đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thực hiện hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán theo quy định của Luật này;
- Đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật;
- Không phải là người có liên quan với tổ chức phát hành.

(Khoản 1 Điều 17 Luật chứng khoán 2019)

86

86



➤Theo phương pháp phát hành

Các hình thức bảo lãnh phát hành:

- Bảo lãnh theo phương thức dự phòng
- Bảo lãnh theo phương thức bán tất cả hoặc không
- Bảo lãnh theo phương thức tối thiểu – tối đa

87

87

➤ Theo phương pháp phát hành

Các hình thức bảo lãnh

- *Cam kết chắc chắn*: là hình thức mà tổ chức bảo lãnh phát hành nhận mua toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết;
- *Cổ găng tối đa*: là hình thức mà tổ chức bảo lãnh phát hành hỗ trợ tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán ra công chúng và hỗ trợ tổ chức phát hành trong việc phân phối chứng khoán ra công chúng (nếu số chứng khoán đã phát hành bán không hết thì số chứng khoán này sẽ được trả lại cho người phát hành).

(Khoản 9 Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP)

88

4.3.2 Giao dịch thứ cấp cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán

Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) là thị trường giao dịch chứng khoán được thực hiện tại một địa điểm tập trung gọi là sàn giao dịch (trading floor) hoặc thông qua hệ thống máy tính. Tại đó, các thành viên giao dịch với nhau theo luật định (về phương thức giao dịch, thời gian và hình thức thanh toán).

89

4.3.2 Giao dịch thứ cấp cổ phiếu

Đặc điểm

- Là tổ chức có thực thể hiện hữu, có tư cách pháp nhân.
- Có địa điểm sàn giao dịch cụ thể
- Là thị trường minh bạch, được tổ chức cao, giá cả được xác định trên cơ sở đấu giá công khai.
- Chịu sự quản lý chặt chẽ của UBCKNN.
- Chỉ các thành viên có đăng ký mới được tham gia giao dịch tại SGDCK.

90



➤ Giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch

Niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán VN

Niêm yết chứng khoán là việc đưa chứng khoán có đủ điều kiện niêm yết vào giao dịch trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán niêm yết.

(Khoản 24, Điều 4, Luật Chứng khoán 2019)

91

91



Niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán

Những chứng khoán được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán

- Cổ phiếu (Cổ phiếu thường, CP ưu đãi)
- Trái phiếu (chính phủ, công ty)
- Chứng chỉ quỹ đầu tư
- Các loại chứng khoán phái sinh: quyền chọn, hợp đồng tương lai, chứng quyền, quyền tiên mãi.

92

92



Niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán

Điều kiện niêm yết tại HOSE:

- Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết từ **120 tỷ VND trở lên**;
- Có ít nhất **02 năm** hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần tính đến thời điểm đăng ký niêm yết;
- Tối thiểu **20%** cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty do ít nhất 300 cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ;
- Có hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu hợp lệ theo quy định.

(Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP) ⁹³

93

93

Niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán

Điều kiện niêm yết tại HNX:

- Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết từ 30 tỷ VNĐ trở lên;
- Có ít nhất 01 năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần tính đến thời điểm đăng ký niêm yết;
- Tối thiểu 15% cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty do ít nhất 100 cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ;
- Có hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu hợp lệ theo quy định.

Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP 94

94

Ngày chốt DS cổ đông và ngày giao dịch không hưởng quyền

Ngày chốt danh sách cổ đông

Ngày chốt danh sách cổ đông chính là “ngày đăng ký cuối cùng” - là ngày tổ chức phát hành lập danh sách người sở hữu chứng khoán với mục đích để thực hiện các quyền cho cổ đông. Tại ngày chốt danh sách, nếu nhà đầu tư có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán sẽ được nhận các quyền của mình như quyền nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...

95

95

Ngày chốt DS cổ đông và ngày giao dịch không hưởng quyền

Ngày giao dịch không hưởng quyền

Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày giao dịch mà người mua cổ phiếu sẽ không được hưởng các quyền có liên quan (quyền nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, quyền tham dự đại hội cổ đông...)

96

96

Ví dụ 4.8: Ngày 15/01/201x, VNM công bố tạm ứng cổ tức năm với tỷ lệ 15%/mệnh giá. Ngày chốt danh sách cổ đông của công ty là ngày 11/02/201x (thứ Hai). Xác định ngày giao dịch có quyền và ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức khi mua cổ phiếu của VNM? Biết thời gian thanh toán của Việt Nam theo quy định là T+2

97

97

Bảng 4.1: Quy định giao dịch tại HOSE và HNX

	HOSE			HNX	
Phương thức GD	Khớp lệnh và thỏa thuận			Khớp lệnh và thỏa thuận	
Giờ giao dịch	09h00' - 11h30' 13h00' - 15h00'			09h00' - 11h30' 13h00' - 15h00'	
BD giao động giá	±20%			±10% ; mới ±30%	
Đơn vị yết giá	Thị Giá	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng	Chứng chỉ quỹ ETF	Loại	Đơn vị yết
	≤ 10,000	10 đồng	10 đồng	Khớp lệnh CP	100 đồng
	10,000 – 49,950	50 đồng	10 đồng	Thỏa thuận CP	01 đồng
	≥ 50,000	100 đồng	10 đồng	CCQ ETF	01 đồng
Các loại lệnh	Lệnh giới hạn (LO)			Lệnh giới hạn (LO)	
	Lệnh thị trường (MP)			Lệnh thị trường (MAK, MOK)	
	Lệnh ATO, ATC			Lệnh ATC	

98

98

Quy định giao dịch tại UPCOM-Unlisted Public Company Market
Các quy định hiện hành tại Việt Nam:

- Quyết định số 236/QĐ-SGDHN ngày 24/04/2015 của Tổng Giám đốc SGDCCKHN
- Thông báo 198 ngày 29/9/2015 về thay đổi chu kỳ thanh toán giao dịch chứng khoán từ ngày 1/1/2016 sang 4h30 chiều ngày T+2.
- Thông tư 180/2015/TT-BTC hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.

99

99



Quy định giao dịch tại UPCOM

Quy định	UPCOM
Thời gian	9h-11h30 ; 13h-15h
Đơn vị giao dịch	lô chặn=100CP
Đơn vị yết giá	KL: 100 đồng; TT: không quy định
Biên độ	± 15%; mới: ± 40%
Phương thức GD	Khớp lệnh; thỏa thuận
Lệnh giao dịch	Khớp lệnh: LP
